



TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

Số: 03 (84) 2024

ISSN 1859-2635

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ**

CVRSS

Tap chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Trần Minh Đức

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng

Ủy viên Bộ Chính trị

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền

Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính

Viện Nghiên cứu Văn hoá

GS.TS. Eric Iksoon Im

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Bằng Tâm

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuần

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BAN BIÊN TẬP

ThS. Châu Ngọc Hoà

ThS. Lưu Thị Diệu Hiền

ThS. Nguyễn Thị Thanh Thuỷ

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 3 tháng 1 kỳ

Số 03 năm 2024

Năm thứ mười bảy

Mục lục

- Cải cách nền hành chính nhà nước theo tinh thần Nghị quyết 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới..... **3**
Vũ Công Giao, Hoàng Thị Thu Thủy
- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động thương mại quốc tế: Một số giải pháp cho Việt Nam**14**
Nguyễn Văn Lịch, Trần Hồng Anh
- Thu hút đầu tư vào các khu kinh tế ven biển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.....**24**
Nguyễn Hoàng Yến, Tống Thị Hải Hạnh, Phan Hồng Hà
- Các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất ngành công nghiệp chế biến tại vùng kinh tế trọng điểm miền Trung**33**
Phan Thị Sông Thương, Đặng Thị Kim Dung, Hồ Thị Kim Thùy, Nguyễn Văn Bảo
- Đánh giá quản lý nhà nước đối với phát triển du lịch bền vững bằng phương pháp tiếp cận mô hình IPA: Nghiên cứu trường hợp vùng Tây Nguyên**44**
Nguyễn Danh Nam, Ung Thị Ngọc Lan
- Các yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng công nghệ số trong quản lý chuỗi cung ứng của doanh nghiệp: Trường hợp các doanh nghiệp bán lẻ ở chợ truyền thống tỉnh Đồng Nai.....**54**
Phan Phong Vũ
- Kinh nghiệm xử lý rác thải bằng phương pháp đốt phát điện: Nghiên cứu vận dụng cho thành phố Đà Nẵng**62**
Đinh Thế Toàn, Nguyễn Hoàng Yến
- Quyết định điểm đến văn hóa của khách du lịch một mình: Phân tích mạng tại thành phố Hội An**72**
Hà Thu Uyên, Bùi Thị Minh Thu
- Nghiên cứu chất lượng dịch vụ viễn thông di động tại Tổng công ty viễn thông Viettel.....**84**
Nguyễn Minh Trí, Từ Quang Phương, Thái Vân Hà
- Kinh nghiệm của một số thành phố trên thế giới về xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo và bài học rút ra cho thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.....**96**
Hà Đình Thành, Hà Huy Ngọc
- Nhận diện kiến trúc đình làng Nam Trung Bộ **106**
Lê Xuân Thông, Nguyễn Song Tuấn Hải
- Quá trình du nhập của y học phương Tây vào Việt Nam trong thế kỉ XVII-XVIII: Vai trò của giáo sĩ Dòng Tên..... **118**
Trương Anh Thuận
- Văn hoá ẩm thực của người Chăm Ahiér ở Ninh Thuận, nhìn từ đặc trưng sinh thái và cấu trúc xã hội..... **126**
Trần Thị Thái
- Kết cấu tự sự trong kịch hát Việt Nam 1945 – 1975 **135**
Phạm Ngọc Hiền
- Hoà giải bạo lực đối với người cao tuổi: Khoảng cách giữa quy định và thực tế **142**
Phan Huyền Dân

Giấy phép xuất bản số 81/GP-BTTTT cấp ngày 01 tháng 04 năm 2024

Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ; In 100 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 03 năm 2024.

In tại Công ty TNHH in Trùng Khoa, số 28 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Nộp lưu chiếu tháng 9/2024.

Contents

1. Reforming the state administrative system in accordance with Resolution 27-NQ/TW on continuing to build and perfect the Vietnamese socialist rule-of-law state in the new period.....**3**
Vu Cong Giao, Hoang Thi Thu Thuy
 2. Applications of artificial intelligence in the international trade: Solutions for Vietnam **14**
Nguyen Van Lich, Tran Hong Anh
 3. Attracting investment into the coastal economic zones of the Central Key Economic Region....**24**
Nguyen Hoang Yen, Tong Thi Hai Hanh, Phan Hong Ha
 4. Factors affecting the productivity of the processing industry in the Central key economic region**33**
Phan Thi Song Thuong, Dang Thi Kim Dung, Ho Thi Kim Thuy, Nguyen Van Bao
 5. Assessment of state management for sustainable tourism development using IPA model approach: A case study of the Central Highlands.....**44**
Nguyen Danh Nam, Uong Thi Ngoc Lan
 6. Factors affecting the application of digital technology in supply chain management: A case study of retail businesses in traditional markets in Dong Nai province**54**
Phan Phong Vu
 7. Experience in Waste Treatment by Waste-to-Energy Incineration: A Study on Application for Da Nang City**62**
Dinh The Toan, Nguyen Hoang Yen
 8. Solo Travelers' Cultural Destination Decisions: A Network Analysis in Hoi An City.....**72**
Ha Thu Uyen, Bui Thi Minh Thu
 9. Assessing service quality of mobile telecommunications at Viettel Telecommunications Corporation**84**
Nguyen Minh Tri, Tu Quang Phuong, Thai Van Ha
 10. Experiences of some cities around the world in building Innovation Centers and lessons learned for Vinh City, Nghe An Province.....**96**
Ha Dinh Thanh, Ha Huy Ngoc
 11. The identification of communal house architecture in the South Central region.....**106**
Le Xuan Thong, Nguyen Song Tuan Hai
 12. The introduction of Western medicine into Vietnam during the 17th and 18th centuries: The role of Jesuit missionaries..... **118**
Truong Anh Thuan
 13. Culinary culture of the Cham Ahiér in Ninh Thuan province from ecological and social structural perspectives.....**126**
Tran Thi Thai
 14. Narrative structure in Vietnamese musical theatre between 1945 and 1975**135**
Pham Ngoc Hien
 15. Mediation of Violence Against the elderly: The gap between Regulation and Practice**142**
Phan Huyen Dan
-

Thu hút đầu tư vào các khu kinh tế ven biển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Nguyễn Hoàng Yến, Tống Thị Hải Hạnh

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

Phan Hồng Hà

Trường Trung học phổ thông Trần Phú, thành phố Đà Nẵng

Email liên hệ: hoangyen0602@gmail.com

Tóm tắt: Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung bao gồm 5 tỉnh/thành phố, được thành lập theo quyết định số 148/2004/QĐ-TTg ngày 13/8/2024. Đến nay, toàn vùng có 04 khu kinh tế ven biển gồm: Chân Mây – Lăng Cô, Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội. Từ khi thành lập đến nay, các khu kinh tế ven biển đã đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trong vùng như thu hút đầu tư, giải quyết việc làm, thu ngân sách địa phương,... Các khu kinh tế ven biển của vùng đóng vai trò hết sức quan trọng cho thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Đến nay, các khu kinh tế đã thu hút hơn 700 dự án đầu tư (trong đó có hơn 130 dự án FDI), với tổng vốn đăng ký đạt gần 600 nghìn tỷ đồng, giải quyết việc làm cho gần 100 nghìn lao động. Tuy nhiên, các khu kinh tế ven biển của vùng chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, mục tiêu đặt ra, đặc biệt là các khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô, Nhơn Hội. Từ thực tiễn đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy thu hút đầu tư vào các khu kinh tế ven biển của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Từ khóa: Thu hút đầu tư, khu kinh tế, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Attracting investment into the coastal economic zones of the Central Key Economic Region

Abstract: The Central Key Economic Region, consisting of five provinces/cities, was established under Decision No. 148/2004/QĐ-TTg dated August 13, 2024. As of now, the region has four coastal economic zones, including: Chan May – Lang Co, Chu Lai, Dung Quat, Nhon Hoi. Since their establishment, the coastal economic zones have made significant contributions to the socio-economic development of localities within the region, such as attracting investment, creating jobs, and increasing local budget revenue. The coastal economic zones of the region play a crucial role in attracting both domestic and foreign investment. To date, these zones have attracted more than 700 investment projects (including over 130 FDI projects), with a total registered capital of nearly VND 600 trillion, creating jobs for nearly 100,000 workers. However, the coastal economic zones of the region have not yet developed in line with their potential and the set goals, especially the Chan May-Lang Co and Nhon Hoi economic zones. In response to these challenges, the article proposes several solutions to enhance investment attraction into the coastal economic zones of the Central Key Economic Region.

Keywords: Investment attraction, Economic zone, Central key economic region

Ngày nhận bài: 12/8/2024 **Ngày phản biện:** 15/8/2024 **Ngày duyệt đăng:** 10/9/2024

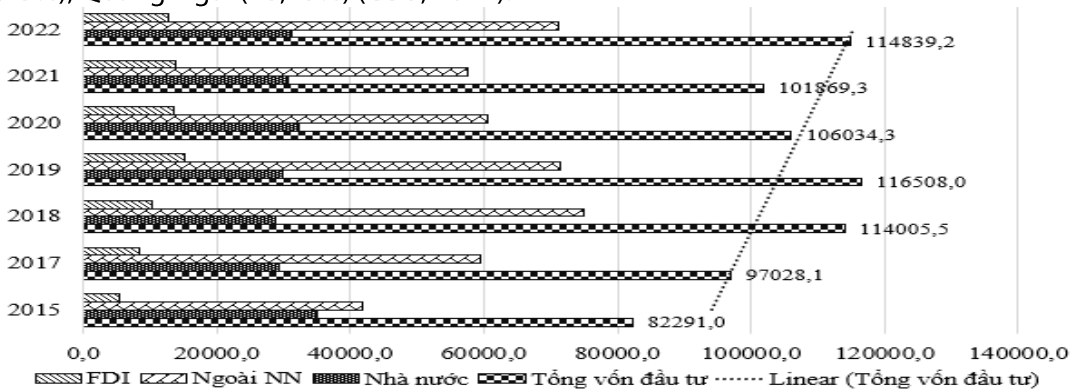
1. Đặt vấn đề

Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung (KTTĐMT) được thành lập theo quyết định số 148/2004/QĐ-TTg ngày 13/8/2024 của Thủ tướng chính phủ bao gồm 5 tỉnh/thành phố: Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định. Đến nay, vùng KTTĐMT có 4 khu kinh tế (KKT) ven biển và 01 KKT cửa khẩu. Các KKT ven biển trong vùng KTTĐMT được quan tâm đầu tư phát triển từ rất sớm (2003 – KKT mở Chu Lai; 2005 – KKT Dung Quất; 2005 – KKT Nhơn Hội; 2006 – KKT Chân Mây – Lăng Cô) và có những đóng góp quan trọng cho sự phát

triển kinh tế xã hội của các địa phương. Đặc biệt, khu vực miền Trung có điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội hết sức khó khăn ở những năm đầu thế kỷ 21, việc thành lập là phát triển hệ thống các KCN, KKT là giải pháp hết sức quan trọng để thúc đẩy thu hút đầu tư, tạo việc làm và góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Theo ước tính, các KKT ven biển thu hút hơn 700 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký ước đạt gần 600 nghìn tỷ đồng, tạo việc làm cho gần 100 nghìn lao động. Đến nay, có khoảng 240 dự án đang còn hoạt động và đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế xã hội của các địa phương trong vùng (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2024). Đặc biệt, các dự án kinh tế lớn như Thaco Trường Hải, Nhà máy lọc dầu Dung Quất (NMLD) đã phát huy vai trò đầu tàu thúc đẩy sự phát triển của các KKT mở Chu Lai và Dung Quất. Tuy nhiên, sau hơn 20 năm phát triển các KKT trong vùng thì kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh và mục tiêu đặt ra. Trong vùng, ngoài các KKT mở Chu Lai, KKT Dung Quất đạt được một số thành tựu nhất định thì 02 KKT còn lại phát triển khá chậm và chưa tương xứng với tiềm năng. Số lượng các dự án đầu tư vào các KKT và các KCN ven biển còn khá hạn chế. Từ thực tiễn đó, bài viết tập trung phân tích các vấn đề đặt ra và đề xuất một số giải pháp thúc đẩy thu hút đầu tư vào các KKT ven biển của vùng trong thời gian đến.

2. Tình hình thu hút đầu tư vào vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Tính đến thời điểm 2022, tổng vốn đầu tư phát triển của các địa phương trong vùng KTTĐMT đạt hơn 114,8 nghìn tỷ đồng (giá so sánh 2010), tăng hơn 32,5 nghìn tỷ đồng so với năm 2015, bình quân giai đoạn 2016-2022 tăng trưởng vốn đạt 4,88%/năm. Trong đó, nguồn vốn nhà nước giảm bình quân 1,58%/năm, vốn ngoài nhà nước tăng bình quân 7,84%/năm và nguồn vốn FDI tăng bình quân 12,55%/năm (GSO, 2024). Nhìn chung trong giai đoạn từ 2015 – 2022 nguồn vốn đầu tư ở các địa phương vùng KTTĐMT có xu hướng tăng, tuy nhiên cũng chỉ đạt mức trung bình dưới 5% là rất thấp. Trong đó, các năm 2020-2021 có sự giảm sút đáng kể nguồn vốn đầu tư thực hiện, đây cũng là xu hướng chung của cả nước. Nguyên nhân là do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19 đã tác động đến nền kinh tế của các địa phương nói chung và đầu tư cho phát triển nói riêng. Dịch bệnh Covid – 19 đã tác động mạnh mẽ lên khu vực ngoài nhà nước, dẫn đến suốt 3 năm 2019, 2020, 2021 nguồn vốn đầu tư thực hiện của khu vực này đều giảm. Giữa các địa phương cũng không có sự khác biệt lớn về nguồn vốn đầu tư thực hiện. Tính đến thời điểm năm 2022, đóng góp vốn thấp nhất vùng là tỉnh Thừa Thiên Huế (với 14,9%) và cao nhất vùng là Bình Định (với 25,93%), các địa phương còn lại có quy mô vốn thực hiện là khá tương đồng lần lượt Đà Nẵng (20,61%), Quảng Nam (20,13%), Quảng Ngãi (18,43%) (GSO, 2024).

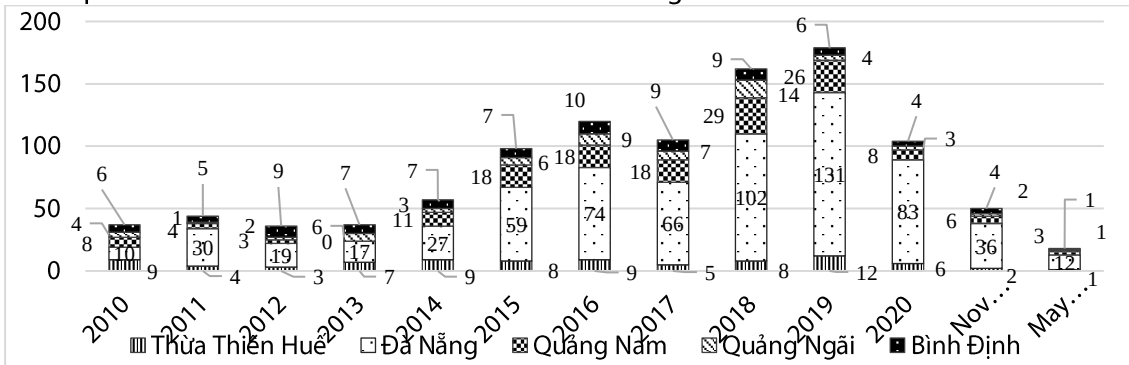


Hình 1. Vốn đầu tư thực hiện của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung phân theo thành phần kinh tế

(Nguồn: GSO, 2024)

Về thu hút đầu tư nước ngoài, tính đến hết năm 2023 toàn vùng KTTĐMT có 1.564 dự án FDI còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký đạt trên 20,7 tỷ USD. Trong đó, Đà Nẵng là địa

phương có số dự án là lớn nhất, với 1.021 dự án, tổng vốn đăng ký đạt gần 6,5 tỷ USD. Tiếp đến là tỉnh Quảng Nam với 227 dự án, tổng vốn đăng ký đạt 6,38 tỷ USD và thấp nhất là tỉnh Bình Định chỉ có tổng vốn đăng ký đạt 1,25 tỷ USD với 104 dự án (GSO, 2024). Hình 2 cũng cho thấy những tác động nhất định của dịch bệnh Covid – 19 lên thu hút các dự án FDI vào các địa phương vùng KTTĐMT. Theo đó, hàng năm số dự án FDI đăng ký mới tăng lên đáng kể suốt giai đoạn 2010-2019 và giảm mạnh trở lại từ 2020-2022. Trong vùng, Đà Nẵng là địa phương có nhiều dự án FDI đăng ký mới nhất trong suốt các năm vừa qua. Tiếp đến là tỉnh Quảng Nam cũng là địa phương đạt được những kết quả rất tích cực trong thu hút đầu tư FDI trong thời gian gần đây. Còn lại các địa phương khác có số dự án khá khiêm tốn. Về quy mô dự án FDI thì các dự án lớn chủ yếu tập trung ở các địa phương Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi với quy mô từ 28-32 triệu USD/dự án, trong khi đó Đà Nẵng chỉ đạt 6,4 triệu USD/dự án và Bình Định đạt 12 triệu USD/dự án. Điều đó, cho thấy được các dự án FDI lớn đã quan tâm đầu tư vào các KKT ven biển của vùng KTTĐMT.



Hình 2. Dự án FDI đăng ký mới vào các địa phương vùng KTTĐMT

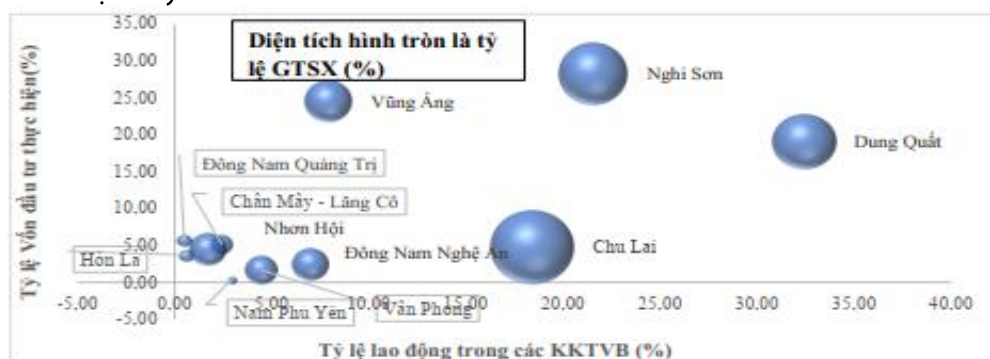
(Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, 2024)

3. Tình hình thu hút đầu tư vào các khu kinh tế vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Phát triển KKT ven biển là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế biển Việt Nam. Đặc biệt, các KKT ven biển là nền tảng quan trọng nhằm thúc đẩy thu hút đầu tư, là đầu tàu lan toả phát triển kinh tế xã hội vùng và địa phương. Đến nay, Việt Nam có 19 KKT ven biển và 28 KKT cửa khẩu (Phạm Thủy Dung, 2023), với 416 khu công nghiệp (KCN) trong phạm vi cả nước. Trong đó, có 369 KCN bên ngoài KKT và 39 KCN trong KKT ven biển, 8 KCN trong các KKT cửa khẩu, với tổng diện tích tự nhiên gần 130 nghìn ha (Nguyễn Hằng, 2024). Trong đó, vùng KTTĐMT có 04 KKT ven biển được thành lập gồm: Chân Mây – Lăng Cô, Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội. Với các chính sách hỗ trợ, ưu tiên vượt trội từ ưu tiên thuế, đất đai, tín dụng, đào tạo lao động, cung cấp cơ sở hạ tầng,... các KKT ven biển vùng KTTĐMT đã đạt được nhiều thành tựu lớn trong thu hút các nhà đầu tư. Các KKT ven biển của vùng đã khẳng định vai trò hết sức quan trọng trong thu hút đầu tư, tạo việc làm, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của các địa phương trong vùng. Đặc biệt, mức độ tập trung kinh tế của các KKT ven biển ở khu vực miền Trung cho thấy riêng vùng KTTĐMT có 02 KKT phát triển khá lớn mạnh là Chu Lai và Dung Quất. Đây cũng là 02 trong số các KKT ven biển mạnh nhất cả nước hiện nay về quy mô phát triển, thu ngân sách và đóng góp rất quan trọng cho sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

KKT Chân Mây – Lăng Cô được thành lập từ năm 2006, đến nay có 57 dự án đầu tư còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký đầu tư khoảng 87 nghìn tỷ đồng. Trong đó, có 28 dự án đầu tư đi vào hoạt động, qua đó góp phần quan trọng tạo ra gần 5 nghìn việc làm và doanh thu khoảng 4 nghìn tỷ đồng (Đỗ Trường, 2023). Trước khi dịch bệnh Covid – 19 diễn ra, nhiều dự án đầu tư quan trọng đã đăng ký đầu tư vào KKT Chân Mây – Lăng Cô như khu du lịch Laguna Lăng Cô của Tập đoàn Banyan Tree, Khách sạn Banyan Tree Lăng Cô, Khu du lịch quốc tế Minh

Viễn, ... (Quốc Việt, 2019). Tuy nhiên, trước những khó khăn về dịch bệnh, giải phóng mặt bằng, đảm bảo cơ sở hạ tầng, ... đã ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư. Riêng năm 2022, có 16 dự án kêu gọi đầu tư vào KKT Chân Mây – Lăng Cô chủ yếu trên các lĩnh vực du lịch, bất động sản, cơ sở hạ tầng KCN, hạ tầng cảng biển (TRT, 2022). Trong đó, năm 2022 thu hút được 13 dự án đầu tư vào KKT, với vốn đăng ký mới gần 5 nghìn tỷ đồng, với các dự án trọng điểm được triển khai thực hiện như: đề chắn sóng, cảng Chân Mây. Như vậy, sau 18 năm phát triển KKT Chân Mây – Lăng Cô chỉ mới đạt được những thành tựu bước đầu trong thu hút đầu tư, quy mô thu hút đầu tư vào KKT còn rất khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng, với mục tiêu thành lập và tỏ ra khá mờ nhạt so với hệ thống của các KKT ở Việt Nam hiện nay.



Hình 3. Tập trung hoá ở các KKT ven biển ở khu vực miền Trung

(Nguồn: Bùi Quang Bình, Nguyễn Tường Minh, Trần Quốc Vinh, 2023)

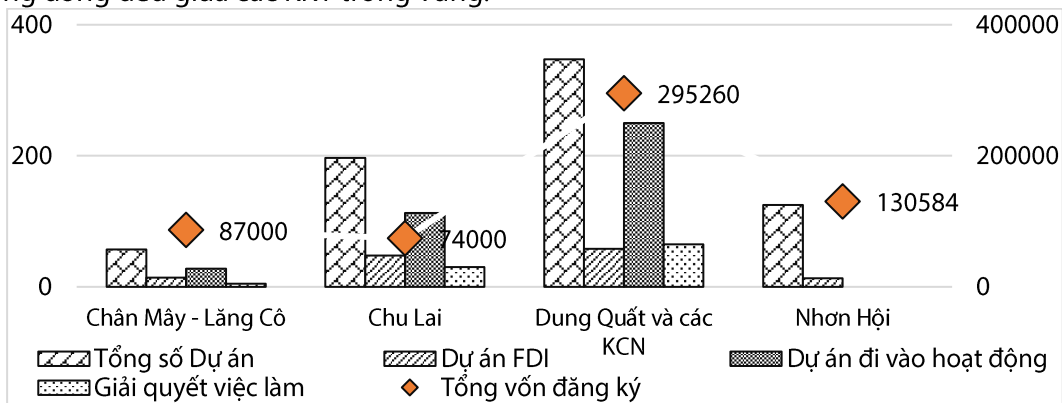
KKT mở Chu Lai được thành lập từ năm 2003, là KKT đầu tiên trong cả nước. Sau hơn 20 năm phát triển KKT mở Chu Lai đã có nhiều đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Nam. Tính đến nay, tổng số dự án đầu tư vào KKT còn hiệu lực khoảng gần 200 dự án, với tổng vốn đăng ký đầu tư đạt khoảng 74 nghìn tỷ đồng. Trong đó, có 48 dự án FDI với tổng vốn đăng ký khoảng 17 nghìn tỷ đồng. Đặc biệt, các tập đoàn Trường Hải, Hyosung là những nhà đầu tư lớn và rất quan trọng cho sự phát triển của KKT mở Chu Lai (Thành Vân, 2023). Đến nay có hơn 113 dự án đi vào hoạt động với tổng vốn thực hiện gần 45 nghìn tỷ đồng. Đặc biệt, là nhóm dự án công nghiệp ô tô và công nghiệp hỗ trợ do Công ty cổ phần Ô tô Trường Hải thực hiện (Thành Vân, 2021). Đặc biệt, trong giai đoạn từ 2018-2022, các dự án đầu tư vào KKT mở Chu Lai đóng vai trò rất quan trọng cho giải quyết việc làm (với hơn 30 nghìn lao động) và thu ngân sách trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (77,68 nghìn tỷ đồng, trên 60% thu ngân sách toàn tỉnh Quảng Nam) (Thành Vân, 2023). KKT mở Chu Lai ưu tiên thu hút đầu tư vào các lĩnh vực chủ lực công nghiệp sạch, công nghệ cao, công nghiệp chế biến... lấy công nghiệp sản xuất và lắp ráp ô tô làm ngành mũi nhọn kết hợp phát triển các ngành công nghiệp cơ khí hỗ trợ, hình thành và phát triển công nghiệp hàng không gắn với dịch vụ logistics, công nghiệp khí - điện...

KKT Dung Quất được thành lập từ năm 2005, sau 19 năm phát triển, đến nay KKT Dung Quất đóng vai trò rất quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi, trong đó NMLD Dung Quất là "trái tim" và có đóng góp quyết định đến sự phát triển. Đến nay, KKT Dung Quất và các KCN trên địa bàn tỉnh có 347 dự án đầu tư còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký gần 400 nghìn tỷ đồng, trong đó có 58 dự án FDI (Dương Vương, 2023). Các dự án quy mô lớn đầu tư vào KKT Dung Quất như: Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất, Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất; các dự án của Công ty Đường Quảng Ngãi, Nhà máy công nghiệp nặng Doosan, Nhà máy sản xuất General Electric; Nhà máy khí Messer, KCN, Đô thị và Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi; ... đã tạo sức lan tỏa, góp phần phát triển KKT Dung Quất. Tính đến thời điểm năm 2022, giá trị sản xuất của KKT và các KCN đạt khoảng 262 nghìn tỷ đồng, nộp ngân sách khoảng 26,6 nghìn tỷ đồng và giải quyết việc làm cho khoảng 65 nghìn lao động

(VCCI, 2023). Riêng trong giai đoạn 2017-2022, KKT Dung Quất và các KCN trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã thu hút được 115 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký đạt trên 225 nghìn tỷ đồng và 33 dự án FDI với tổng vốn đăng ký gần 23 nghìn tỷ đồng (BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh Quảng Ngãi, 2023).

KKT Nhơn Hội được thành lập từ năm 2005, đến nay đã thu hút được 125 dự án đầu tư, với tổng vốn đăng ký đạt khoảng 130 nghìn tỷ đồng, trong đó vốn thực hiện khoảng hơn 33 nghìn tỷ đồng, có 13 dự án FDI với tổng vốn đăng ký khoảng 0,6 tỷ USD. Năm 2022, tổng doanh thu của KKT và các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định đạt khoảng 47 nghìn tỷ đồng và đóng góp cho thu ngân sách địa phương khoảng 0,94 nghìn tỷ đồng (Nguyễn Hân, 2023). Riêng trong 8 tháng đầu năm 2023, KKT và các KCN của tỉnh Bình Định thu hút được 13 dự án đầu tư, với tổng vốn đăng ký đạt 1,3 nghìn tỷ đồng. Lũy kế đến hết tháng 6/2023 trên địa bàn KKT Nhơn Hội và các KCN có 396 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký 145.789 tỷ đồng, vốn đầu tư thực hiện khoảng 47.570 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 33% tổng vốn đăng ký); trong đó có 38 dự án FDI với vốn đăng ký 824 triệu USD (VCCI, 2023). Mặc dù, có những thành công ban đầu trong thu hút đầu tư, nhưng so với các KKT khác trong vùng và cả nước thì KKT Nhơn Hội vẫn còn rất khiêm tốn, chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, đặc biệt so với các KKT Chu Lai, Dung Quất.

Thực tiễn thu hút đầu tư và phát triển các KKT ven biển vùng KTTĐMT nói riêng và cả nước nói chung trong thời gian qua đã đạt được những thành tựu bước đầu, các KKT Chu Lai, Dung Quất đã bước đầu trở thành cực tăng trưởng và lan toả phát triển. Đặc biệt, với những thành quả thu hút đầu tư vào các KKT mở Chu Lai, KKT Dung Quất đã đóng góp rất lớn cho sự phát triển của tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi nói riêng và vùng KTTĐMT nói chung. Đạt được những thành tựu đó nhờ vào các KKT này đã thu hút được các dự án “đại bàng” và trở thành “trái tim” lan toả cho sự phát triển của toàn KKT. Tuy nhiên, các KKT Chân Mây – Lăng Cô, Nhơn Hội có quy mô thu hút đầu tư còn khá khiêm tốn. Điều đó cho thấy sự phát triển không đồng đều giữa các KKT trong vùng.



Hình 4. Tình hình thu hút đầu tư vào các KKT ven biển vùng KTTĐ miền Trung

(Nguồn: Tổng hợp từ nhiều nguồn)

4. Một số vấn đề đặt ra trong phát triển khu kinh tế ở vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Từ thực tiễn nghiên cứu cho thấy sau hơn 20 năm phát triển các KKT ven biển ở khu vực miền Trung đã đạt được rất nhiều thành tựu quan trọng trong thu hút đầu tư. Đặc biệt, các KKT ven biển của vùng đã trở thành lựa chọn của nhà đầu tư với các dự án quy mô lớn. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, thì các KKT ven biển của vùng KTTĐMT (bao gồm cả các KKT phát triển và chậm phát triển) đều gặp không ít khó khăn, thách thức đặt ra hiện nay:

Thứ nhất, sau hơn 20 năm phát triển KKT ở vùng KTTĐMT vẫn chưa xứng đáng với tiềm năng, mục tiêu phát triển đề ra. Mặc dù đạt được những thành công nhất định nhưng chỉ thể hiện vai trò trọng yếu của các dự án “đại bàng” như Thaco – Trường Hải (KKT mở Chu Lai), NMLD Dung Quất (KKT Dung Quất). Trong khi đó, ở các KKT Nhơn Hội, Chân Mây – Lăng Cô chưa có các dự án “đại bàng” làm đầu tàu thu hút và lan toả đầu tư phát triển cho toàn KKT.

Thứ hai, cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển các KKT của vùng còn thiếu đột phá và đủ mạnh, và có tính dàn trải trong đầu tư giữa các địa phương (Bùi Quang Bình và cộng sự, 2023). Mặc dù, chính sách thu hút đầu tư vào các KKT được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình phát triển mới. Tuy nhiên, tùy vào tiềm lực của các địa phương mà các chính sách thu hút đầu tư chưa được đồng bộ, thống nhất trong các KKT ven biển của vùng. Đây là một trong những rào cản nhất định để thu hút các nhà đầu tư vào các KKT ở vùng KTTĐMT. Các chính sách pháp luật về đất đai còn chồng chéo với quy định của luật đầu tư, xây dựng, nhà ở, đấu thầu,... dẫn đến lúng túng trong quá trình triển khai dự án đầu tư (BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh Quảng Ngãi, 2023).

Thứ ba, vấn đề quy hoạch phát triển cấp vùng đối với các KKT vẫn còn nhiều vấn đề đặt ra đòi hỏi có sự thống nhất, xuyên suốt và cấp vùng. Cụ thể với trường hợp khu vực miền Trung có 14 tỉnh/thành phố thì có đến 11 KKT ven biển, điều đó dẫn đến vấn đề tập trung nguồn lực, cạnh tranh thu hút đầu tư, sự chồng lấn nhất định trong lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư dẫn đến sự phát triển không hiệu quả. Các nhà đầu tư đến với các KKT có sự dàn trải và chưa tạo ra đột phá là đầu tàu thu hút đầu tư, lan toả phát triển. Bên cạnh đó, các chính sách ưu tiên thu hút đầu tư vào các KCN cũng không có sự khác biệt với KKT dẫn đến phân tán nguồn lực, phân tán thu hút đầu tư. Kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy được đầu tư các đặc KKT đòi hỏi quy mô lớn, tập trung nguồn lực, với cơ sở hạ tầng cứng và mềm đồng bộ (Anh Thư, 2017).

Thứ tư, công tác bồi thường giải phóng mặt bằng khó khăn. Việc quản lý, sử dụng đất đai còn bất cập dẫn đến nhà đầu tư khó tiếp cận đất đai. Các dự án bị ảnh hưởng bởi giải quyết mặt bằng đất đai chậm so với kế hoạch ban đầu, điều đó tạo ra sự lo ngại nhất định cho các nhà đầu tư (BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh Quảng Ngãi, 2023; BQL các KKT và KCN tỉnh Quảng Nam, 2023; BQL KKT tỉnh Bình Định, 2021; Tỉnh uỷ Thừa Thiên Huế, 2021).

Thứ năm, hệ thống cơ sở hạ tầng của các KKT chưa đồng bộ, mặc dù đã được đầu tư cơ bản. Đây cũng là một thách thức lớn đối với công tác thu hút đầu tư vào các KKT của cả nước nói chung và ở vùng KTTĐMT nói riêng. Hệ thống cơ sở hạ tầng của các KKT trong vùng hiện nay là thách thức, rào cản lớn cho các nhà đầu tư, đặc biệt là cơ sở hạ tầng giao thông, cơ sở hạ tầng giáo dục, y tế, đời sống kinh tế - xã hội, dịch vụ đi kèm (BQL KKT Dung Quất và các KCN tỉnh Quảng Ngãi, 2023; BQL các KKT và KCN tỉnh Quảng Nam, 2023; BQL KKT tỉnh Bình Định, 2021; Tỉnh uỷ Thừa Thiên Huế, 2021).

Thứ sáu, thiếu quyết liệt trong việc thu hồi các dự án đầu tư chậm tiến độ, ngưng hoạt động cũng ảnh hưởng nhất định đến việc thu hút các dự án đầu tư mới vào KKT ở vùng KTTĐMT miền Trung (Tỉnh uỷ Thừa Thiên Huế, 2021; Văn Dinh, 2023; Tuấn Vỹ, 2024; Thành Long, 2024; Đức Hồ, 2024).

Thứ bảy, quy mô thị trường ở vùng KTTĐMT cũng là rào cản nhất định đối với thu hút các nhà đầu tư đến với các KKT. Về quy mô dân số của vùng cũng chỉ 6,65 triệu người (chiếm 6,67% so với cả nước); quy mô kinh tế cũng chỉ đạt khoản 5,66% trong GRDP của cả nước (Tổng cục Thống kê, 2024). Điều đó phản ánh quy mô thị trường của vùng là khá nhỏ bé đã không hấp dẫn được các nhà đầu tư.

Thứ tám, bên cạnh các yếu tố nội tại thì các yếu tố bên ngoài cũng tác động không nhỏ đến cơ hội thu hút đầu tư của các KKT vùng KTTĐMT. Các vấn đề an ninh toàn cầu, tranh chấp chủ quyền, dịch bệnh toàn cầu, khủng hoảng kinh tế, xu hướng đầu tư, thương mại hoá, đa phương hoá và hội nhập quốc tế cũng đặt ra vấn đề thách thức cho thu hút đầu tư.

Bối cảnh toàn cầu hoá đòi hỏi các KKT của vùng cạnh tranh nhiều hơn, với nhiều chính sách ưu đãi hơn để thu hút các nhà đầu tư.

5. Một số đề xuất thu hút đầu tư vào các khu kinh tế vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Thu hút đầu tư, phát triển các KKT ven biển là trọng tâm ưu tiên trong việc thực hiện “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Nhằm thúc đẩy thu hút đầu tư vào các KKT ven biển vùng KTTĐMT trong thời gian tới cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, hoàn thiện cơ chế, chính sách và phương thức quản lý KKT theo hướng tăng cường cơ chế “một cửa, tại chỗ”. Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa cơ quan quản lý địa phương và Trung ương nhằm thống nhất quản lý KKT theo quy hoạch, cơ chế, chính sách chung. Tiếp tục đổi mới quản lý nhà nước về KKT, đặc biệt là quản lý và hỗ trợ triển khai dự án sau cấp phép kết hợp với việc hoàn thiện các văn bản pháp quy liên quan đến KKT để thu hút đầu tư vào các KKT ven biển của vùng. Bên cạnh đó, cần xác định và điều chỉnh lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư, mục tiêu chiến lược thu hút đầu tư vào các KKT mang tính vùng, qua đó góp phần thúc đẩy thu hút đầu tư chiến lược và hạn chế cạnh tranh trong thu hút đầu tư giữa các KKT. Đặc biệt, cần nghiên cứu, đề xuất các phương án, giải pháp cụ thể nhằm đồng bộ hoá các ưu đãi đầu tư, các chính sách, pháp luật về đầu tư, hỗ trợ đầu tư với các pháp luật liên quan khác để tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư.

Thứ hai, BQL các KKT ven biển và Trung tâm xúc tiến đầu tư miền Trung tập trung nghiên cứu, xây dựng phương án thu hút đầu tư phù hợp. Trọng tâm xúc tiến đầu tư các dự án “đại bàng” cho từng KKT, từ đó làm động lực lan toả thu hút đầu tư cho nhiều dự án khác kèm theo. Thực tiễn sự phát triển của KKT Chu Lai, Dung Quất đã chứng minh vai trò đầu tàu thu hút đầu tư của các dự án “đại bàng” trong thời gian qua. Đồng thời, công tác xúc tiến, thu hút đầu tư thường xuyên được đổi mới; đa dạng hoá các hoạt động xúc tiến đầu tư, tăng cường phối hợp với các cơ quan tổ chức trong nước và quốc tế để tổ chức hội nghị, hội thảo xúc tiến đầu tư vào các KKT ven biển của vùng nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư. Tập trung xúc tiến đến những quốc gia và vùng lãnh thổ có lợi thế công nghiệp phù hợp với lợi thế so sánh của các KKT ven biển và đang có nguồn vốn đầu tư mạnh vào Việt Nam như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan, Mỹ và các đối tác là thành viên của Hiệp định CPTPP, EVFTA. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư tại chỗ; luôn đồng hành, hỗ trợ các nhà đầu tư đã và đang đầu tư, xem công tác hỗ trợ đầu tư là một hình thức xúc tiến đầu tư hiệu quả trong giai đoạn hiện nay. Công tác thu hút đầu tư của vùng cần quan tâm đến chất lượng dự án, ưu tiên thu hút các dự án ứng dụng trình độ KHCN cao, thân thiện với môi trường về lĩnh vực như: công nghiệp nhẹ, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp nặng, hóa dầu, hóa chất, sản xuất kim loại và gia công thép, các ngành công nghiệp công nghệ cao; đầu tư kinh doanh hạ tầng các KCN, Khu du lịch, đô thị - nghỉ dưỡng.

Thứ ba, bố trí nguồn vốn từ nguồn Ngân sách Trung Ương để phát triển hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại các KKT ven biển, KCN các tỉnh thành của vùng KTTĐMT, làm cơ sở để thu hút các dự án sản xuất công nghiệp hiện đại, quy mô lớn, chất lượng cao, ứng dụng KHCN hiện đại. Trong đó ưu tiên đầu tư phát triển những công trình có tính chất đột phá, tạo ra sự liên kết vùng (các công trình trên trục dọc vùng, các đường kết nối các cảng biển lên Tây Nguyên và các hành lang vận tải quốc tế). Bên cạnh cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông, bến cảng thì các cơ sở hạ tầng xã hội đi kèm như giáo dục, y tế, thiết chế văn hoá, thể thao cũng được ưu tiên quan tâm để tạo nền tảng vững chắc trong thu hút đầu tư.

Thứ tư, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp FDI sử dụng lao động là người Việt Nam chất lượng cao. Tạo cơ chế phối hợp giữa các nhà đầu tư, doanh nghiệp có nhu cầu đầu tư tại các KKT của vùng với các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề trên địa bàn và khu vực thực hiện chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu

sử dụng của doanh nghiệp. Các địa phương cần tạo điều kiện thuận lợi để cung ứng lao động cho doanh nghiệp có nhu cầu đầu tư tại các KKT của vùng.

Thứ năm, triển khai thực hiện tốt hơn nữa các giải pháp giải phóng mặt bằng, cung cấp nhanh nhất mặt bằng đảm bảo để nhà đầu tư triển khai dự án. Kiên quyết thu hồi các dự án đầu tư không hoạt động, ngừng hoạt động để đảm bảo mặt bằng cho nhà đầu tư mới. Nhiệm vụ giải phóng mặt bằng phục vụ cho nhà đầu tư cần chú ý vào trọng tâm là đối thoại, hợp tác. Đặc biệt, đối với giải phóng mặt bằng liên quan đến hoạt động sản xuất, đời sống của nhân dân ở trong KKT cần có những phương án và đảm bảo cơ sở hạ tầng xã hội đi kèm như hạ tầng nhà ở, y tế, giáo dục, dịch vụ,... Đồng thời, việc di dời, giải toả mặt bằng cần gắn liền với phát triển các khu dân cư ngay trong khu kinh tế đã được quy hoạch.

Thứ sáu, trước bối cảnh các vấn đề chính trị toàn cầu, hội nhập đòi hỏi công tác thu hút đầu tư vào các KKT cũng phải đảm bảo vấn đề này. Trọng tâm phát huy những thế mạnh, tận dụng tốt các cơ hội của vấn đề toàn cầu để thu hút đầu tư. Nhưng đồng thời cũng tập trung vào khắc phục những hạn chế để tạo điều kiện cho nhà đầu tư. Ngăn chặn, dự báo và đánh giá những rủi ro, thách thức có tính toàn cầu trong hoạt động thu hút đầu tư vào các KKT ở vùng KTTĐMT.

6. Kết luận

Phát triển các KKT trong cả nước nói chung và vùng KTTĐ miền Trung là lựa chọn phù hợp và chiến lược để thúc đẩy phát triển vùng, địa phương. Đặc biệt, khu vực miền Trung có điều kiện kinh tế - xã hội, nền tảng phát triển rất thấp thì việc tạo ra các “đòn bẩy”, các “cực tăng trưởng” để làm trụ cột phát triển và tác động lan toả là cần thiết. Với tầm quan trọng đó, sau hơn 20 năm phát triển, các KKT ven biển của vùng KTTĐMT đã đạt được nhiều kết quả rất tích cực, bước đầu tạo ra được “động lực” chính cho sự phát triển của các địa phương trong vùng. Các KKT ven biển của vùng đã trở thành đầu tàu trong thu hút đầu tư, tạo việc làm cho lao động, đóng góp cho ngân sách địa phương. Nhiều dự án đầu tư “đại bàng” như NMLD Dung Quất, Thaco-Trường Hải đã trở thành “trái tim” cho sự phát triển của các KKT Dung Quất và KKT mở Chu Lai. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đó vẫn còn rất nhiều vấn đề khó khăn, thách thức và yêu cầu đặt ra cho sự phát triển của các KKT trong vùng. Các KKT ven biển chưa đạt được kỳ vọng, mục tiêu phát triển đề ra. Vẫn còn nhiều trở lực đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước khi đến với các KKT ven biển của vùng nói riêng và cả nước nói chung. Điều đó, đòi hỏi các KKT ven biển của vùng KTTĐMT cần tiếp tục phát huy hơn nữa các lợi thế, các cơ hội để thu hút các nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư “đại bàng” trong và ngoài nước.

Chú thích: Đây là sản phẩm của đề tài khoa học cấp cơ sở “Thu hút đầu tư vào các khu kinh tế ở vùng kinh tế trọng điểm miền Trung” do Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ chủ trì thực hiện.

Tài liệu tham khảo

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2024). Thông tin KCN, KCX, KCNC, KKT. Truy cập tại <https://www.mpi.gov.vn/>, ngày 10/6/2024.

BQL Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi (2023). Thông tin, tài liệu về tình hình thu hút đầu tư vào khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Báo cáo số 2400/BQL-QLĐT, ngày 25/8/2023. Quảng Ngãi.

BQL các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam (2023). Thông tin, tài liệu về tình hình thu hút đầu tư vào các khu kinh tế và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Báo cáo số 904/KKTCN-HCTH, ngày 13/9/2023. Quảng Nam.

BQL Khu kinh tế tỉnh Bình Định (2021). Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và nhiệm vụ, giải pháp năm 2022. Báo cáo số 203/BC-BQL, ngày 27/12/2021. Bình Định.

Bùi Quang Bình, Nguyễn Tường Minh, Trần Quốc Vinh (2023). “Phát triển các khu kinh tế ven biển ở vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ”. Hội thảo khoa học: Diễn đàn đầu tư vào các khu kinh tế ven biển miền Trung. Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ. Đà Nẵng.

Cục Đầu tư nước ngoài (2024). Số liệu FDI. Truy xuất từ <https://fia.mpi.gov.vn/>, ngày 10/6/2024.

Văn Dinh (2023). Thừa Thiên Huế: Rà soát, thu hồi các dự án chậm tiến độ. Truy xuất từ <https://baotainguyenmoitruong.vn/>, ngày 10/6/2024.

Phạm Thuỳ Dung (2023). Các yếu tố tác động và điều kiện thực hiện để phát triển mô hình khu kinh tế biên giới ở Việt Nam. Truy xuất tại <https://vioit.vn/>, ngày 10/6/2024.

GSO (2024). Số liệu thống kê. Truy xuất tại <https://www.gso.gov.vn/>, ngày 10/6/2024.

Nguyễn Hằng (2024). Năm 2023 các khu công nghiệp, khu kinh tế Việt Nam phát triển mạnh mẽ. Truy xuất tại <https://kinhtevadubao.vn/>, ngày 10/6/2024.

Nguyễn Hàn (2023). Quyết liệt giải phóng mặt bằng và thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Nhơn Hội. Truy xuất từ <https://binhdinh.gov.vn/>, ngày 10/6/2024.

Đức Hồ (2024). Bình Định 'điểm mặt' loạt dự án chậm tiến độ tại Khu kinh tế Nhơn Hội. Truy xuất từ <https://congly.vn/>, ngày 10/8/2024.

Thành Long (2024). Nhiều dự án lớn ở Khu Kinh tế Dung Quất bị chậm tiến độ do chờ mặt bằng. <https://vov.vn/>, ngày 10/6/2024.

Anh Thư (2017). Bài học đặc khu kinh tế của Trung Quốc. Truy xuất tại <https://thesaigontimes.vn/bai-hoc-dac-khu-kinh-te-cua-trung-quoc/>, ngày 10/6/2024.

Minh Trang (2022). Thực trạng phát triển khu kinh tế ven biển tại Việt Nam. Tạp chí *Công thương*. Truy xuất tại <https://tapchicongthuong.vn/>, ngày 10/6/2024.

Tỉnh uỷ Thừa Thiên Huế (2021). Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XVI về phát triển khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030. Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 03/11/2021. Thừa Thiên Huế.

Tổng cục Thống kê (2024). Số liệu thống kê. Truy xuất tại <https://www.gso.gov.vn/>, ngày 10/6/2024.

TRT (2022). Khu kinh tế Chân Mây- Lăng Cô tăng cường thu hút đầu tư. Truy xuất từ <https://trt.com.vn/phong-su-ngan/khu-kinh-te-chan-may-lang-co-tang-cuong-thu-hut-dau-tu>, ngày 10/6/2024.

Đỗ Trường ((2023). Sau 15 năm hình thành và phát triển, Khu Kinh tế Chân Mây-Lăng Cô vẫn chưa phát triển xứng tầm với lợi thế vượt trội và kỳ vọng quy hoạch ban đầu. Truy xuất tại <https://www.vietnamplus.vn/tao-luc-hap-dan-moi-cho-khu-kinh-te-chan-may-lang-co-post861527.vnp>, ngày 10/11/2023.

Thành Vân (2023). Dòng vốn 74.000 tỷ đồng đổ về Khu kinh tế mở Chu Lai. Truy xuất tại <https://cafef.vn>, ngày 10/11/2023.

Thành Vân (2021). Bức tranh thu hút đầu tư tại Khu kinh tế mở Chu Lai. Truy xuất từ <https://nhadautu.vn/buc-tranh-thu-hut-dau-tu-tai-khu-kinh-te-mo-chu-lai-d51063.html>, ngày 10/6/2024.

Quốc Việt (2019). Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô thu hút 21 dự án đầu tư vào du lịch. Truy xuất từ <https://vietnamtourism.gov.vn/post/29066>, ngày 10/6/2024.

Dương Vương (2023). Khu Kinh tế Dung Quất thu hút đầu tư 1,2 tỷ USD trong đầu năm 2023. Truy xuất từ <https://congly.vn/khu-kinh-te-dung-quat-thu-hut-dau-tu-1-2-ty-usd-trong-dau-nam-2023-380085.html>, ngày 10/6/2024.

VCCI (2023). Khởi sắc trong thu hút đầu tư vào KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi. Truy xuất tại <https://vccinews.vn/>, ngày 10/6/2024.

Tấn Vỹ (2024). Quảng Nam sẽ thu hồi dự án ven biển chậm tiến độ. Truy xuất tại <https://diendandoanhnghiep.vn/>, ngày 12/7/2024.